

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, MIỄN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 15 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện).

Điều 2. Đối tượng chịu phí

1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký, kiểm định để lưu hành (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe, có giấy chứng nhận kiểm định), bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là ô tô).

2. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau:

a) Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai.

b) Bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

c) Bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên.

d) Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

đ) Xe ô tô của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Giao thông vận tải), chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng).

e) Xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.

g) Xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên.

3. Các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này không chịu phí nếu có đủ hồ sơ đáp ứng các quy định tại Điều 9 Thông tư này. Trường hợp xe ô tô đó đã được nộp phí sử dụng đường bộ, chủ phương tiện sẽ được trả lại số phí đã nộp (áp dụng cho xe ô tô bị hủy hoại; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe không tiếp tục lưu hành) hoặc được trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau (áp dụng đối với xe ô tô vẫn tiếp tục được lưu hành) tương ứng với thời gian không sử dụng đường bộ.

4. Không áp dụng khoản 2 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

5. Chưa thu phí đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các trường hợp miễn phí

Miễn phí sử dụng đường bộ đối người nộp phí cho các phương tiện sau:

1. Xe cứu thương.

2. Xe chữa cháy.

3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ gồm:

a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác).

b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ mà trên Giấy đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ. Đơn vị phục vụ tang lễ phải có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại) gửi đơn vị đăng kiểm (khi đăng kiểm xe).

4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (xe xi téc, xe cần cẩu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe và một số loại xe chuyên dùng khác mang biển số màu đỏ).

5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:

a) Xe ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”.

b) Xe ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe.

c) Xe ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe.

d) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ.

đ) Xe ô tô chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.

e) Xe ô tô đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe ô tô đặc chủng khác của Bộ Công an).

Điều 4. Người nộp phí và tổ chức thu phí

1. Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí theo quy định tại Điều 2 Thông tư này là người nộp phí sử dụng đường bộ.

2. Tổ chức thu phí bao gồm:

- a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.
- b) Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại điểm a Khoản này) nộp về Cục Đăng kiểm Việt Nam để Cục Đăng kiểm Việt Nam khai, nộp phí theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Mức thu phí

Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.

Điều 6. Phương thức tính, nộp phí

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 2 Điều này).

Đối với xe đăng kiểm lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ tính từ ngày phương tiện được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm. Đối với xe cải tạo, chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại) thì mức thu phí tính từ ngày chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu theo Giấy đăng ký mới của xe.

Phí sử dụng đường bộ tính theo năm, tháng hoặc theo chu kỳ đăng kiểm của xe. Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí. Cụ thể như sau:

a) Tính, nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm

a.1) Đối với xe ô tô có chu kỳ đăng kiểm từ 01 năm trở xuống: Chủ phương tiện thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ cho cả chu kỳ đăng kiểm và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

Ví dụ 1: Xe ô tô của ông A có chu kỳ đăng kiểm 06 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022). Ngày 01 tháng 01 năm 2022, ông A mang xe đến đăng kiểm, nộp phí sử dụng đường bộ cho đơn vị đăng kiểm. Đơn vị đăng kiểm thực hiện đăng kiểm xe, thu phí sử dụng đường bộ và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 06 tháng.

a.2) Đối với xe ô tô có chu kỳ đăng kiểm trên 01 năm (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng): Chủ phương tiện phải nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ đăng kiểm (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng).

Trường hợp nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với chu kỳ đăng kiểm. Hết thời hạn nộp phí (chu kỳ đăng kiểm), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm để đăng kiểm và nộp phí cho chu kỳ đăng kiểm tiếp theo.

Trường hợp nộp phí theo năm (12 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí 12 tháng. Hết thời hạn nộp phí (12 tháng), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí và được cấp Tem nộp phí của thời gian tiếp theo (12 tháng hoặc thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm).

Ví dụ 2: Xe ô tô của ông B có chu kỳ đăng kiểm 30 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024). Ngày 01 tháng 01 năm 2022, ông B mang xe đến đăng kiểm. Ông B được lựa chọn nộp phí 01 năm (12 tháng) hoặc nộp phí cho cả chu kỳ đăng kiểm (30 tháng).

Trường hợp ông B nộp phí cho cả chu kỳ đăng kiểm, được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 30 tháng.

Trường hợp ông B chọn nộp phí theo năm: Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ có thời gian 12 tháng. Ngày 01 tháng 01 năm 2023, ông B phải đến nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian tiếp theo 12 tháng (hoặc nộp cho thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm là 18 tháng) và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian nộp phí tương ứng (12 tháng hoặc 18 tháng). Nếu nộp phí 12 tháng thì đến ngày 01 tháng 01 năm 2024, ông B phải đến nộp phí cho thời gian 06 tháng còn lại (từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024) và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 06 tháng. Ngày 01 tháng 7 năm 2024, ông B đến đăng kiểm xe và nộp phí cho chu kỳ tiếp theo.

a.3) Trường hợp chủ phương tiện đến đăng kiểm sớm hơn hoặc chậm hơn thời gian theo chu kỳ đăng kiểm quy định, đơn vị đăng kiểm kiểm tra xe và tính tiền phí sử dụng đường bộ nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí sử dụng đường bộ lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ phương tiện có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ đăng kiểm). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp sẽ tính bằng số ngày lẻ chia 30 ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

Ví dụ 3: Về trường hợp đăng kiểm sớm, xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi của ông C có chu kỳ đăng kiểm 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022. Ngày 01 tháng 3 năm 2022, ông C mang xe đến đăng kiểm và nộp phí 06 tháng. Theo định kỳ thì đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 ông C mới phải đến đăng kiểm xe nhưng vì lý do nào đó ngày 21 tháng 8 năm 2022 ông C mang xe đến đăng kiểm và nộp phí (đăng kiểm sớm 10 ngày).

Đơn vị đăng kiểm thực hiện đăng kiểm xe và cấp Tem đăng kiểm cho chu kỳ 06 tháng tiếp theo tính từ ngày 21 tháng 8 năm 2022 đến ngày 20 tháng 02 năm 2023. Do ông C đã nộp phí tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 nên đơn vị đăng kiểm sẽ tính và thu phí sử dụng đường bộ từ ngày 01 tháng 9 năm 2022 đến ngày 20 tháng 02 năm 2023 (05 tháng 20 ngày), cụ thể như sau:

Số phí phải nộp = 5 tháng x 130.000 đồng/tháng + (20/30) tháng x 130.000 đồng/tháng = 736.670 đồng.

Ví dụ 4: Về trường hợp đăng kiểm muộn, vẫn các giả định như trường hợp ví dụ 3 nêu trên nhưng đến ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông C mới mang xe đến đăng kiểm (đăng kiểm chậm 15 ngày).

Đơn vị đăng kiểm kiểm tra và cấp Tem đăng kiểm 06 tháng tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023. Do ông C mới nộp phí đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 nên đơn vị đăng kiểm sẽ tính và thu phí sử dụng đường bộ từ ngày 01 tháng 9 năm 2022 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023 (06 tháng 15 ngày), cụ thể như sau:

Số phí phải nộp = 6 tháng x 130.000 đồng/tháng + (15/30) tháng x 130.000 đồng/tháng = 845.000 đồng.

a.4) Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí sử dụng đường bộ của các chu kỳ đăng kiểm trước theo thời hạn quy định thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ phương tiện còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Trường hợp chu kỳ đăng kiểm có thời gian trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 thì thời điểm xác định phí tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Đơn vị đăng kiểm sẽ truy thu số phí phải nộp của chu kỳ trước, số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân với thời gian nộp chậm.

a.5) Trường hợp chủ phương tiện muốn nộp phí cho thời gian dài hơn chu kỳ đăng kiểm, đơn vị đăng kiểm thu phí và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

a.6) Đối với các xe bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; xe của lực lượng quốc phòng, công an thanh lý; xe thể chấp bị ngân hàng thu hồi mà trong thời gian bị tịch thu, thu hồi, chờ thanh lý không đăng kiểm để lưu hành sau đó được bán phát mại, thanh lý thì chủ mới của phương tiện chỉ phải nộp phí sử dụng đường bộ từ thời điểm mang xe đi đăng kiểm để lưu hành. Khi đăng kiểm lưu hành, chủ phương tiện phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Quyết định thu hồi tài sản thể chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe bán thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm đi đăng kiểm lại để lưu hành thì chủ phương tiện nộp phí tính từ thời điểm nộp tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

b) Nộp phí theo năm dương lịch

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) đến đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các phương tiện của mình.

Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo. Khi thu phí, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho từng xe tương ứng thời gian nộp phí.

Ví dụ 5: Doanh nghiệp A có văn bản gửi đơn vị đăng kiểm Y về việc nộp phí cho 10 xe của mình theo năm dương lịch 2022 thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2022, Doanh nghiệp A phải đến đơn vị Y nộp phí cho năm 2022 và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho 10 xe (từng xe) của doanh nghiệp.

c) Nộp phí theo tháng

Doanh nghiệp có số phí phải nộp từ 30 triệu đồng/tháng trở lên được thực hiện nộp phí theo tháng. Doanh nghiệp có văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) gửi đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí đối với các phương tiện của mình. Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp phải đến đơn vị đăng kiểm (đã đăng ký nộp phí theo tháng) nộp phí cho tháng tiếp theo. Khi thu phí, tổ chức thu phí cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng thời gian nộp phí.

Ví dụ 6: Doanh nghiệp B có 50 xe ô tô, số phí phải nộp hàng tháng là 30 triệu đồng/tháng thì doanh nghiệp B được nộp phí theo tháng. Để thực hiện nộp phí tháng 9 năm 2022 thì trước ngày 01 tháng 9 năm 2022, doanh nghiệp B phải có văn bản gửi đơn vị đăng kiểm X và thực hiện nộp phí đối với 50 xe; sau khi nộp phí, chủ phương tiện được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ của tháng 9 năm 2022. Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp B đến nộp phí cho xe của mình.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an:

a) Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm, theo mức thu quy định tại Phụ lục I - Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện in và phát hành loại vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng riêng đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

- Vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng đối với các phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng mang biển số màu đỏ, không áp dụng đối với các phương tiện mang biển số khác (kể cả phương tiện của Bộ Quốc phòng không mang biển số màu đỏ). Nội dung vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng đối với xe quốc phòng bao gồm các thông tin sau: Cơ quan phát hành (Tổng cục Đường bộ Việt Nam); loại phương tiện sử dụng (gồm 02 loại: vé sử dụng cho xe ô tô con quân sự và vé sử dụng cho xe ô tô tải quân sự; kích cỡ vé có tổng chiều dài nhân (x) chiều rộng là 12 cm x 8 cm, có màu sắc; nền vé màu đỏ, chữ và số màu trắng; biển số xe).

- Nội dung vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng đối với xe của Bộ Công an bao gồm các thông tin sau: Cơ quan phát hành (Tổng cục Đường bộ Việt Nam); loại phương tiện sử dụng gồm 02 loại (theo biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này); kích cỡ vé có chiều dài nhân (x) chiều rộng là 12 cm x 8 cm và có màu sắc; nền vé màu vàng có gạch màu đỏ dọc theo thân vé ở vị trí 1/3 vé tính từ trái sang phải, chữ và số màu đen; biển số xe.

- Định kỳ hàng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập dự trù số lượng, chủng loại vé “phí đường bộ toàn quốc” có phân loại cụ thể các phương tiện cần sử dụng gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị cấp vé “phí đường bộ toàn quốc” tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo thủ tục như sau:

Đến kỳ cấp vé, người đề nghị cấp vé mang giấy giới thiệu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ghi rõ: Họ tên, chức vụ của người đề nghị cấp vé; số lượng, chủng loại vé cần cấp kèm theo chứng minh thư/căn cước công dân đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để được cấp vé.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện cung cấp cho người đề nghị số lượng, chủng loại vé “phí đường bộ toàn quốc” theo yêu cầu. Trên cơ sở số vé đã cấp, Tổng cục Đường bộ Việt Nam thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

Điều 7. Chứng từ thu phí

1. Khi thu phí, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp vé “phí đường bộ toàn quốc” cho xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an khi cấp biên lai thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định.

Trường hợp Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được trích để lại một phần hai phần trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định, số tiền còn lại, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phải nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của Tổng cục Đường bộ Việt Nam mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

2. Đối với các đơn vị đăng kiểm thực hiện thu phí

a) Đơn vị thu phí được trích để lại một phần ba mươi hai phần trăm (1,32%) số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để chi cho các nội dung sau:

- Trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

- Trích chuyển về Cục Đăng kiểm Việt Nam ba phần trăm (3%) số tiền được để lại (1,32%) để phục vụ công tác quản lý thu, nộp phí sử dụng đường bộ của hệ thống đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc.

b) Trả lại tiền phí đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

c) Số tiền còn lại (sau khi trừ số tiền quy định tại điểm a và điểm b Khoản này) tổ chức thu phí chuyển về tài khoản chuyên thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam (chuyển tiền trực tiếp hoặc thông qua ngân hàng thương mại). Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam và Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp số tiền phí (quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), Tổng cục Đường bộ Việt Nam nộp 98,8% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương của Bộ Giao thông vận tải theo Tiểu mục quy định hiện hành của Nhà nước; để chi cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ.

4. Số tiền phí được để lại chi của tổ chức thu phí: Trường hợp tổ chức thu phí áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của đơn vị và thực hiện khai, nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) theo quy định pháp luật về thuế; trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, số tiền phí được để lại quản lý, sử dụng theo quy định.

Điều 9. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp

1. Đối với xe ô tô quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư này nếu đã nộp phí thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc được bù trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau.

a) Đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư này trước khi mang xe đi sửa chữa, chủ phương tiện phải xuất trình Biên bản hiện trường tai nạn có xác nhận của cơ quan công an và nộp lại Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho đơn vị đăng kiểm gần nhất để có căn cứ trả lại phí sau khi phương tiện hoàn thành việc sửa chữa và kiểm định lại để tiếp tục lưu hành.

b) Hồ sơ trả lại phí hoặc bù trừ vào số phí sử dụng đường bộ kỳ sau (sau đây gọi chung là trả lại phí) bao gồm:

b.1) Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b.2) Bản phô tô các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư này (Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe).

b.3) Bản phô tô biên lai thu phí. Trường hợp bị mất biên lai thu phí, chủ phương tiện đề nghị đơn vị đăng kiểm nơi nộp phí cấp bản sao biên lai thu phí.

b.4) Riêng đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư này ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian tính trả lại hoặc bù trừ phí từ thời điểm cơ quan chức năng thu giữ Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

c) Hồ sơ trả lại phí được nộp tại đơn vị đăng kiểm. Khi nộp hồ sơ, đối với các giấy tờ phô tô, người đề nghị trả lại phí phải mang theo bản chính để đơn vị đăng kiểm đối chiếu. Khi tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ trả lại phí chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn chỉnh.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả lại phí, căn cứ hồ sơ đề nghị trả lại phí của chủ phương tiện, thủ trưởng đơn vị đăng kiểm ra Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục IV hoặc Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này gửi người đề nghị trả lại phí.

e) Số phí được trả lại hoặc bù trừ cho chủ phương tiện tương ứng với số phí đã nộp cho thời gian phương tiện không sử dụng.

g) Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ là căn cứ để đơn vị đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ vào số phí phải nộp kỳ sau.

2. Đối với xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

a) Khi tạm dừng lưu hành

a.1) Doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải nơi quản lý, cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hoặc nơi sử dụng phương tiện (đối với trường hợp mang phương tiện đến địa phương khác sử dụng), bao gồm: Đơn xin tạm dừng lưu hành theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản sao).

a.2) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (kiểm tra các điều kiện: Các xe đề nghị tạm dừng lưu hành là xe kinh doanh vận tải và thuộc sở hữu của doanh nghiệp; thời gian đề nghị tạm dừng lưu hành của từng xe phải liên tục từ 30 ngày trở lên).

- Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

- Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; thời gian thực hiện 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

a.3) Doanh nghiệp lập hồ sơ nộp cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi được Sở Giao thông vận tải xác nhận vào đơn. Hồ sơ bao gồm: Đơn xin nghỉ lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải); biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu (đối với xe thuộc diện cấp biển hiệu, phù hiệu); biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản sao).

a.4) Đơn vị đăng kiểm nhận và kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp thì ra Thông báo theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

- Trường hợp đủ điều kiện thì lập Biên bản thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

a.5) Ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành là căn cứ xác định thời gian tạm dừng lưu hành, để xét thuộc trường hợp không chịu phí.

Trường hợp thời gian nghỉ lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến trên 30 ngày, chậm nhất là ngày thứ 30 kể từ ngày kết thúc nghỉ lưu hành theo dự kiến doanh nghiệp phải làm Đơn xin tạm dừng lưu hành gửi Sở Giao thông vận tải xác nhận bổ sung. Trường hợp doanh nghiệp không làm Đơn hoặc làm Đơn xin tạm dừng lưu hành đã có xác nhận của Sở Giao thông vận tải nhưng doanh nghiệp không nộp cho đơn vị đăng kiểm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận thì doanh nghiệp vẫn phải chịu phí cho phương tiện nghỉ lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến.

Trường hợp thời gian nghỉ lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến không quá 30 ngày, doanh nghiệp không phải làm Đơn xin tạm dừng lưu hành bổ sung.

Ví dụ 7: Xe của ông A xin nghỉ lưu hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2022 (Đơn xin tạm dừng lưu hành dự kiến nghỉ 02 tháng). Hồ sơ đã được Sở Giao thông vận tải xác nhận và nộp cho đơn vị đăng kiểm. Thực tế, xe của ông A dừng lưu hành đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2023 (quá thời gian dự kiến xin dừng lưu hành 02 tháng).

- Trường hợp ông A làm Đơn xin tạm dừng lưu hành gửi Sở Giao thông vận tải xác nhận bổ sung việc tạm dừng lưu hành để được xác định xe thuộc diện không chịu phí đến hết tháng 01 năm 2023.

- Trường hợp ông A không làm Đơn xin tạm dừng lưu hành hoặc làm Đơn xin tạm dừng lưu hành đã có xác nhận của Sở Giao thông vận tải nhưng không nộp cho đơn vị đăng kiểm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận thì ông A phải nộp phí từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2023.

Ví dụ 8: Với giả định tại ví dụ 7 nêu trên. Đến ngày 29 tháng 12 năm 2022, ông A làm thủ tục xin lưu hành trở lại, ông A không phải làm hồ sơ gửi Sở Giao thông vận tải xác nhận bổ sung nghỉ 29 ngày.

a.6) Trường hợp doanh nghiệp chưa nộp phí sử dụng đường bộ đối với xe đề nghị tạm dừng lưu hành tính đến thời điểm tạm dừng lưu hành thì phải nộp đủ phí sử dụng đường bộ cho đơn vị đăng kiểm tính đến thời điểm dừng lưu hành.

b) Khi doanh nghiệp có nhu cầu lưu hành lại các xe đã đề nghị tạm dừng lưu hành thực hiện các thủ tục sau:

b.1) Doanh nghiệp gửi đơn vị đăng kiểm (nơi đã nộp hồ sơ đề nghị dừng lưu hành) hồ sơ đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ, gồm: Đơn đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, biên bản thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ (bản chính).

b.2) Đơn vị đăng kiểm kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo hoặc số ngày thực tế xe dừng lưu hành (tính từ thời điểm tạm dừng lưu hành đến ngày đề nghị lưu hành trở lại) chưa đảm bảo thời gian liên tục từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm ra Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo, số ngày thực tế xe dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên và có đủ xác nhận của Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm tính toán số phí được bù trừ, số phí phải nộp bổ sung (nếu có) trên cơ sở mức thu của một tháng chia cho 30 ngày và nhân với số ngày nghỉ lưu hành.

+ Trường hợp xe chưa được nộp phí kể từ ngày dừng lưu hành thì số phí phải nộp sẽ được tính từ thời điểm đăng ký lưu hành trở lại cho đến chu kỳ đăng kiểm tiếp theo, theo quy định.

+ Trường hợp xe đã được nộp phí thì sẽ được bù trừ số phí tương ứng trong thời gian nghỉ lưu hành vào số tiền phí phải nộp của kỳ tiếp theo. Đơn vị đăng kiểm ký Quyết định bù trừ phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục IV.

Ví dụ 9: Ngày 01 tháng 01 năm 2022, doanh nghiệp X nộp phí cho xe ô tô với chu kỳ 18 tháng (đến ngày 30 tháng 6 năm 2023). Sau 01 tháng hoạt động, doanh nghiệp xin dừng hoạt động xe đến hết năm 2022 và được cơ quan quản lý cho dừng hoạt động 11 tháng. Ngày 01 tháng 01 năm 2023, khi xe đăng ký lưu hành trở lại, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2024 (cộng thêm 11 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023).

Ví dụ 10: Cũng với giả định tại ví dụ 9 nêu trên, doanh nghiệp X xin dừng hoạt động xe 20 tháng (từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023). Đến ngày 01 tháng 10 năm 2023, doanh nghiệp xin lưu hành xe, đơn vị đăng kiểm tính và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 đến ngày 28 tháng 02 năm 2025 (17 tháng).

Trường hợp số tiền được bù trừ nhỏ hơn số phí phải nộp của kỳ nộp phí sau thì doanh nghiệp phải nộp số phí bổ sung cho khoảng thời gian chênh lệch giữa thời gian phải nộp phí theo chu kỳ

đăng kiểm và thời gian được tính đối trừ phí, đơn vị đăng kiểm cấp biên lai thu phí theo số tiền phải nộp bổ sung.

Ví dụ 11: Doanh nghiệp Y có xe ô tô đã nộp phí 12 tháng. Sau khi nộp phí 05 tháng, xe dừng hoạt động 07 tháng. Đến hết 12 tháng, Doanh nghiệp Y đưa xe vào hoạt động, được đơn vị đăng kiểm quyết định cho bù trừ phí vào kỳ sau. Kỳ nộp phí sau là 12 tháng, doanh nghiệp Y sẽ được bù trừ số phí của 07 tháng đã nộp (tương ứng thời gian nghỉ lưu hành) và phải nộp phí bổ sung thêm 05 tháng. Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 12 tháng và cấp biên lai thu phí theo số tiền doanh nghiệp nộp 05 tháng.

Đối với xe bị tạm giữ phù hiệu, biển hiệu, doanh nghiệp nộp hồ sơ xin cấp lại biển hiệu, phù hiệu cho Sở Giao thông vận tải (nơi tạm giữ phù hiệu, biển hiệu) bao gồm: Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này, Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc biên lai thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (nộp bản phô tô và mang bản chính để đối chiếu).

Sở Giao thông vận tải xem xét hồ sơ, cấp lại phù hiệu, biển hiệu (nếu có) cho doanh nghiệp.

3. Đối với xe ô tô quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư này, các doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Sở Giao thông vận tải gồm:

- Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.
- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.
- Bản sao giấy đăng ký xe (của từng xe đề nghị).

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giao thông vận tải thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn đề nghị nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với đơn đề nghị, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, để Sở Giao thông vận tải xác nhận.

Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn đề nghị (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định.

Khi đăng kiểm xe, doanh nghiệp nộp bản sao Đơn đề nghị (có đóng dấu chứng thực của doanh nghiệp). Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn đề nghị có dấu xác nhận của Sở Giao thông vận tải, nếu phù hợp sẽ không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận.

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, doanh nghiệp làm đơn đề nghị xác nhận bổ sung gửi Sở Giao thông vận tải theo thủ tục nêu trên.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cho phép lưu hành xe trên hệ thống giao thông đường bộ (từ diện không chịu phí sang chịu phí), doanh nghiệp đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí sử dụng đường bộ để được tham gia giao thông. Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho phương tiện kể từ ngày chủ phương tiện đến đăng ký lưu hành trở lại.

4. Đối với xe ô tô quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư này có các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cấp có thẩm quyền nếu thời gian hoạt động ở nước ngoài từ 30 ngày trở lên thì chủ phương tiện không phải chịu phí cho thời gian này. Chủ phương tiện cung cấp giấy tờ chứng minh xe được xuất cảnh, nhập cảnh cho đơn vị đăng kiểm khi đăng kiểm; giấy tờ này được công chứng, chứng thực; nếu là bản phô tô thì chủ phương tiện phải có bản gốc để đối chiếu. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian hoạt động tại nước ngoài thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo.

5. Đối với xe ô tô quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Thông tư này chủ phương tiện phải xuất trình Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian bị mất từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính trả lại (hoặc bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo nếu tìm lại được phương tiện).

Trường hợp tìm thấy phương tiện thì chủ phương tiện phải cung cấp cho đơn vị đăng kiểm Biên bản giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ phương tiện.

6. Trong trường hợp tổ chức thu phí phát hiện việc thu sai mức phí, quy định hoặc nhầm loại phương tiện, đơn vị đăng kiểm phải liên hệ với chủ phương tiện để thu bổ sung (nếu thu thiếu) và trả lại phí (nếu thu thừa) cho chủ phương tiện. Trong các trường hợp này, đơn vị đều phải lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ giữa tổ chức thu phí và chủ phương tiện theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí.

7. Đối với các xe thuộc lực lượng quốc phòng, công an khi chuyển sang biên dân sự thì chịu phí sử dụng đường bộ theo mức xe dân sự kể từ khi xe được cấp biển số mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện, gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở lập dự toán gửi Bộ

Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Trên cơ sở dự toán thu phí được Bộ Giao thông vận tải giao hàng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng đơn vị đăng kiểm trên cả nước.

b) Tổ chức in ấn, cấp phát và quản lý sử dụng Tem nộp phí sử dụng đường bộ đối với ô tô theo mẫu được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

c) Hướng dẫn việc quản lý thu, nộp, trả lại phí; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo đơn vị đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ vào ngân sách nhà nước. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí sử dụng đường bộ đối với các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới theo quy định.

2. Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện đến đăng kiểm theo đúng quy định của Thông tư này và hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Thực hiện chuyên số tiền phí sử dụng đường bộ thu được về tài khoản chuyên thu phí sử dụng đường bộ theo quy định của Thông tư này và theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán theo quy định pháp luật.

3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam lập dự toán và báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ hàng năm gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và thay thế Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

2. Quy định về vé “phí đường bộ toàn quốc” tại điểm b khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Thông tư này hết hiệu lực khi Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giao thông vận tải quản lý và Thông tư số 60/2018/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không quy định tại Thông tư này, thực hiện theo quy định tại Luật

Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông tư số 303/2016/TT-BTC.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Đoàn thể;
- UBND, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN thành phố Hà Nội;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục I

BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)						
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	30 tháng
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên	130	390	780	1.560	2.280	3.000	3.660

	cá nhân, hộ kinh doanh.							
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên); xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt); xe chở hàng và xe chở người 4 bánh có gắn động cơ.	180	540	1.080	2.160	3.150	4.150	5.070
3	Xe chở người từ 10 chỗ đến dưới 25 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg	270	810	1.620	3.240	4.730	6.220	7.600
4	Xe chở người từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg	390	1.170	2.340	4.680	6.830	8.990	10.970
5	Xe chở người từ 40 chỗ trở lên; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg	590	1.770	3.540	7.080	10.340	13.590	16.600
6	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg	720	2.160	4.320	8.640	12.610	16.590	20.260
7	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 27.000 kg đến dưới 40.000 kg	1.040	3.120	6.240	12.480	18.220	23.960	29.270
8	Xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên	1.430	4.290	8.580	17.160	25.050	32.950	40.240

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.

- Khối lượng toàn bộ là: Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.

2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quốc phòng

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	1.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	1.500

3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe ô tô chuyên dùng	1.500

Phụ lục II

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI/BÙ TRỪ PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

Kính gửi:..... (tên cơ quan trả lại/bù trừ phí).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại/bù trừ phí

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Số CMND/Căn cước/Hộ chiếu:..... Điện thoại:.....

Địa chỉ:..... Quận/huyện:..... Tỉnh/thành phố:.....

II. Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại/bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí:..... (loại xe, biển số xe)

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày... /... / ...đến ngày .../.../

- Số tiền phí đã
nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại/bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại/bù
trừ:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí

2.1. Bù trừ: ☐

2.2. Trả lại tiền phí:

- Trả lại bằng: Tiền mặt: ☐ Chuyển khoản: ☐

- Chuyển tiền vào tài khoản số:..... tại ngân hàng:.....

(hoặc) Người nhận tiền:..... Số CMND/Căn cước/HC:.....

cấp ngày..... tại.....

III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.....

2.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Người đề nghị
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)

Phụ lục III

MẪU BIÊN BẢN THU TEM VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

TÊN CQ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN
Thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định

Vào hồi.... giờ.... ngày ... tháng ... năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới:....., địa chỉ:

điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

1. Ông:....., Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:....., Chức vụ: nhân viên.

II. Đại diện cho chủ phương tiện có biển số phương tiện:.....

Ông:....., là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:..... Số CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày cấp....../.../20...

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận thời điểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định làm cơ sở để tính trả lại phí hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ trong thời gian sửa chữa, phục hồi tình trạng kỹ thuật sau tai nạn, cụ thể:

Ông..... đã nộp lại Tem và Giấy chứng nhận kiểm định có số sê-ri:..... do... (đơn vị đăng kiểm xe cơ giới)..... cấp ngày:.../.../20... có hiệu lực đến ngày .../.../20....

Lý do: Xe bị tai nạn giao thông không thể lưu hành được phải sửa chữa.

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

CHỦ PHƯƠNG TIỆN
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

Phụ lục IV

MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC TRẢ LẠI/BÙ TRỪ PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

TÊN CQ CẤP TRÊN
CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH **Về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại/bù trừ tiền phí (hoặc đem đề nghị lưu hành trở lại) ngày.../.../20.. kèm theo hồ sơ của:.... (Tên người nộp phí)... ;

Theo đề nghị của..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ cho.. (Tên người nộp phí):....

- Tổng số tiền phí là:..... đồng (bằng chữ:.....)
- Phương tiện được trả lại/bù trừ: ..(*Loại xe, biển số xe hoặc danh sách phương tiện kèm theo*)
- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại/bù trừ phí: Từ ngày.../.... /..... đến ngày... /..... /.....
- Lý do trả lại/bù trừ phí:.....

Hình thức trả lại/bù trừ tiền: ☐ Trả lại: Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký..... (*Tên người nộp phí*)..., ...(*bộ phận liên quan của tổ chức thu phí*)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT,....

Phụ lục V

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC KHÔNG ĐƯỢC TRẢ LẠI/BÙ TRỪ TIỀN PHÍ

TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày...tháng...năm 20....

THÔNG BÁO

Về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí

Đơn vị đăng kiểm nhận được Giấy đề nghị trả lại/bù trừ khoản thu phí sử dụng đường bộ ngày ... tháng ... năm ... của ...(*Tên người nộp phí, mã số thuế*)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Hồ sơ đề nghị trả lại/bù trừ phí của ...(*Tên người nộp phí*)... không thuộc đối tượng, trường hợp được trả lại/bù trừ phí hoặc có số tiền phí không được trả lại/bù trừ là..... đồng.

Lý do: ...(*nêu rõ lý do không được trả lại phí và căn cứ cụ thể*).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với đơn vị đăng kiểm để được giải đáp.

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:..... /.

Nơi nhận:

- ...*(Tên người nộp phí)*...;

-;

- Lưu VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

Phụ lục VI

MẪU ĐƠN XIN TẠM DỪNG LƯU HÀNH

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

...., ngày...tháng....năm 20....

ĐƠN XIN TẠM DỪNG LƯU HÀNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên:... *Doanh nghiệp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp)*...

Số ĐKKD:..... cấp ngày:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận và thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu làm cơ sở cho... *(Tên doanh nghiệp)*..., để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1				Từ ngày.... đến ngày...
2				

--	--	--	--	--

Sở Giao thông vận tải tỉnh..... xác nhận các xe nêu trên đúng là xe thuộc sở hữu của doanh nghiệp; doanh nghiệp xin nghỉ lưu hành từ ngày... tháng... năm....

Sở Giao thông vận tải đã lập biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu của xe kể từ ngày ... tháng ... năm

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm (trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông xác nhận vào đơn) làm thủ tục xác định xe dừng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

LÃNH ĐẠO SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ TẠM DỪNG LƯU HÀNH

TÊN CQ CẤP TRÊN
TÊN CQ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

...,ngày...tháng...năm....

THÔNG BÁO Về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành

...(Cơ quan thông báo) nhận được hồ sơ của... (doanh nghiệp)

Căn cứ quy định của Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Qua nghiên cứu, hồ sơ của ...(doanh nghiệp)..... chưa đủ điều kiện để đăng ký tạm dừng lưu hành theo quy định.

Lý do:... (nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại:..... để được giải đáp./.

Nơi nhận:

-... (tên doanh nghiệp)...

-

- Lưu VT,...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA THÔNG
BÁO**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)

Phụ lục VIII

MẪU BIÊN BẢN TẠM GIỮ PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

TÊN SỞ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN

Tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải

Vào hồi giờ ngày..... tháng năm

Tại Sở Giao thông vận tải:....., điện thoại

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho Sở Giao thông vận tải

- Lãnh đạo:

- Nhân viên:

2. Đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải

Ông (bà):

Số CMND/Căn cước:....., cấp ngày:..... tại:

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải từ ngày....tháng..... năm 20... làm căn cứ xác định phương tiện dùng lưu hành để xét thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện sau:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Biên bản được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (trong đó chủ phương tiện lưu 01 bản, 01 bản để kèm theo hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm thực hiện thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

**ĐẠI DIỆN DOANH
NGHIỆP**
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ SỞ GTVT
(Ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO SỞ GTVT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục IX

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN THUỘC ĐIỆN KHÔNG CHỊU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

TÊN CQ CẤP TRÊN
TÊN CQ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....

..., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc chưa đủ điều kiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ

Đơn vị đăng kiểm nhận được Đơn đề nghị cấp tem nộp phí sử dụng đường bộ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (doanh nghiệp)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ quy định của Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Qua nghiên cứu, hồ sơ của..... (doanh nghiệp)..... chưa đủ điều kiện thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ trong thời gian tạm dừng lưu hành.

Lý do: ... (nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành)...

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại:..... để được giải đáp.

Nơi nhận:

- ... (Tên doanh nghiệp) ...;
- ...;
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)

Phụ lục X

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng, năm 20..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Trả lại phù hiệu, biển hiệu

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tôi là:.....

Số CMND/Căn cước:..... cấp tại:..... cấp ngày:.....

Đại diện cho:.....

Giấy giới thiệu số:.....

Ngày.../.../202.., tôi đã có Đơn và đã nộp phù hiệu, biển hiệu để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay tôi làm đơn này đề nghị quý Sở xem xét trả lại phù hiệu, biển hiệu cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Tôi xin cảm ơn!

Người làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XI

MẪU ĐƠN XIN XÁC NHẬN XE Ô TÔ KHÔNG THAM GIA GIAO THÔNG, KHÔNG SỬ DỤNG ĐƯỜNG THUỘC HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

TÊN CQ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày...tháng...năm 20...

ĐƠN XIN XÁC NHẬN

Xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị đề nghị:.....

Số ĐKKD:..... cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị của đơn vị

Đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra và xác nhận phương tiện thuộc sở hữu của doanh nghiệp chúng tôi là xe dùng để:....., để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	<i>Ví dụ: Xe tải</i>	<i>14M-1234</i>	<i>Mỏ Than Mông Dương</i>
2			

2. Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe dùng để.....; theo đúng nội dung đã kê khai. Đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng phương tiện.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dùng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

....., ngày..... tháng..... năm

LÃNH ĐẠO SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII

MẪU BIÊN BẢN XỬ LÝ VIỆC THU SAI MỨC PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

TÊN CQ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN
Xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới:..... địa
chỉ:..... điện thoại:

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

- Ông:....., Chức vụ: Lãnh đạo;
- Ông:....., Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ phương tiện có biển số phương tiện:

Ông:..... là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:..... Số
CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày cấp
...../...../20...

Cùng nhau lập Biên bản này để xác định số phí phải thu bổ sung (hoặc phải hoàn trả) bởi nguyên
nhân:.....

.....

Số tiền thu bổ sung (hoặc trả lại) là:.....

Bằng chữ:.....

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu phí.

CHỦ PHƯƠNG TIỆN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ

ĐĂNG KIỂM

(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐĂNG KIỂM

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
đóng dấu)*

Phụ lục XIII

MẪU BIÊN BẢN THU TEM NỘP PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

TÊN CQ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN

Thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ

Vào hồi giờ ngày..... tháng năm

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới:....., điện thoại:.....

Địa

chỉ:.....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

- Lãnh đạo:.....

- Nhân viên:.....

2. Đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải:

Ông (bà):.....

Số CMND/Căn cước:....., cấp ngày:tại:.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thu tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xét phương tiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây.

Số TT	Biển số đăng ký	Tem nộp phí sử dụng đường bộ		
		Số sê-ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu tem.

CHỦ PHƯƠNG TIỆN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

Phụ lục XIV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI TEM NỘP PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

TÊN ĐƠN VỊ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ **Cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.....

Tên tôi là:....., đại diện cho ...(doanh nghiệp)

Số CMND/Căn cước:..... cấp ngày:..... cấp tại:.....

Địa chỉ (theo hộ khẩu thường trú):.....

Ngày.../.../20.., Tôi đã có Đơn và đã nộp Tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay đề nghị được cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Ghi chú
1			
2			

Đơn đề nghị này được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm.

DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)